

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của
anh Trịnh Ng Nh và chị Bùi Thị S;

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của anh Trịnh Ng Nh;
- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 22 tháng 11 năm 2022 về thuận
tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

1. Anh Trịnh Ng Nh, sinh năm: 1983

Nơi cư trú: Số nhà 21 phố Gi, Thị trấn Tr S, huyện Tr S, tỉnh
Thanh Hoá.

2. Chị Bùi Thị S, sinh năm: 1989

HKTT: Số nhà 21 phố Gi, Thị trấn Tr S, huyện Tr S, tỉnh
Thanh Hoá.

HK tạm trú: Tổ dân phố CT, Thị trấn TP, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải
viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định
tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải
được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 22 tháng 11 năm 2022
có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa
giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 22 tháng 11 năm
2022, cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Trịnh Ng Nh và chị Bùi Thị S thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Anh Nh và chị S có 02 con chung là cháu Trịnh Ngọc T L, sinh ngày
09/02/2019 và cháu Trịnh Ngọc G T, sinh ngày 13/11/2020. Anh chị thống nhất:
Giao cả hai cháu TL và GT cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

Anh Nh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S cho mỗi cháu 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng; thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2022 cho đến khi mỗi cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi).

Anh Nh có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản:

Anh chị thống nhất, vợ chồng có tài sản chung là số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), hiện Anh Nh đang giữ. Anh Nh có trách nhiệm phải giao lại cho chị S số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), thời hạn giao tiền: Chậm nhất là ngày 01/4/2023 phải giao 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và chậm nhất là ngày 01/12/2023 phải giao thêm 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án phải chịu lãi tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Về công nợ: Anh Trịnh Ng Nh và chị Bùi Thị S thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9. Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND h Quảng Xương;
- THADS h Quảng Xương;
- UBND TT Tr S (nơi đk kết hôn);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Huyền